

Bản án số: 143 /2025/ DS-ST

Ngày: 03 -6 -2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay và cầm cố tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

2. Ông **NGUYỄN PHƯỚC TƯỜNG**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Không tham gia.

Trong ngày 03 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 02 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay và cầm cố tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty A(gọi tắt là Công ty)**

Trụ sở chính: số 128 D, phường B, thành phố L, tỉnh Nghệ An.

Đại diện theo pháp luật: Ông K- Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà **Đặng Ngọc H**- Chức vụ: Nhân viên.

Theo giấy uỷ quyền số 1989/2025/UQ-SVN ngày 01/4/2025

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1972

Địa chỉ: tổ 13, ấp M, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang

(Có mặt bà H; vắng mặt ông N)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Tại đơn khởi kiện, tờ tự khai nguyên đơn trình bày:** Ngày 24/12/2022 ông N có cầm cố tài sản với Chi nhánh G- Công ty A theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 24/12/2022. Tài sản cầm cố là 01 xe ô tô hiệu ISUZU, loại QKR55H VAN16, biển số 63C- 097.18, số khung RLE1KR55HH7604539, số máy 2X5746, giấy chứng nhận đăng ký xe số 013442 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/4/2017, số tiền cầm cố là 192.500.000đồng, thời gian cầm cố là 36 tháng, lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn bằng là 4% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, phí quản lý hồ sơ cố định là 0,5% số tiền cầm cố/ tháng, phí mượn xe là 3% số tiền cầm cố/ tháng, phí phạt nghĩa vụ thanh toán là 8% giá trị phần nghĩa vụ vi phạm, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 7% nợ gốc chưa thanh toán, chi phí tố tụng là 10% trên dư nợ gốc lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc ngày 24/12/2022 ông N đã gửi đơn xin mượn lại chiếc xe. Theo nội dung giấy mượn xe, tài sản mượn lại là 01 xe ô tô, thời gian mượn xe là 01 tháng từ 24/12/2022-24/01/2023. Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký kết trong hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác có liên quan. Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung phụ lục hợp đồng bên cầm cố tài sản đồng ý cho Chi nhánh G - Công ty A có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt. Tài sản bảo đảm được công ty đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký quốc gia số đăng ký giao dịch số: 1484577765 tại trang Web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Quá trình thực hiện hợp đồng ông N thanh toán cho Công ty gồm: tiền gốc là 24.954.276 đồng, lãi là 12.031.464 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định là 5.478.961 đồng, phí phạt trễ hạn là 565.299 đồng, phí mượn xe là 26.950.000 đồng. Ông N đã không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở nhưng ông không thực hiện. Tính đến ngày 15/11/2024 ông N còn nợ công ty các khoản sau: 167.545.724 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 21.221.819 đồng, lãi quá hạn là 37.834.715 đồng, phí quản lý hồ sơ là 13.967.139 đồng, phí mượn xe là 96.250.000đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 13.403.658 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 5.771.976 đồng. Tổng cộng là 355.995.032 đồng.

Công ty yêu cầu ông N trả lại xe ô tô hiệu ISUZU, loại QKR55H VAN16, biển số 63C- 097.18, số khung RLE1KR55HH7604539, số máy 2X5746, giấy chứng nhận đăng ký xe số 013442 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/4/2017 theo cam kết trên giấy mượn xe ngày 24/12/2022. Trường hợp ông N không trả lại xe thì ông phải thanh toán cho công ty số tiền tạm tính đến ngày 15/11/2024 gồm: 167.545.724 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 21.221.819 đồng, lãi quá hạn là 37.834.715 đồng, phí quản lý hồ sơ là 13.967.139 đồng, phí mượn xe là 96.250.000đồng, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 13.403.658 đồng, phí tất toán hợp đồng trước thời hạn là 5.771.976 đồng.

Ông N còn phải tiếp tục chịu lãi, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ngày 24/12/2022 đến khi thanh toán xong nợ. Trường hợp ông N không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Công ty có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, xử lý tài sản bảo đảm thu hồi nợ. Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ thì ông N phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ. Trường hợp xác minh khách hàng có dấu hiệu hình sự, Công ty yêu cầu chuyển hồ sơ qua cơ quan điều tra xử lý.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty yêu cầu ông N trả 167.545.724 đồng tiền gốc, lãi trong hạn là 10.317.180 đồng, lãi quá hạn là 62.662.101 đồng, tiền mượn xe 138.600.000 đồng. Tổng cộng là 379.150.005 đồng. Công ty rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí tắt toán hợp đồng trước hạn.

- Bị đơn ông Huỳnh Văn N dù triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng, không lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng cầm cố tài sản. Do đó Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và cầm cố tài sản theo điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có nơi cư trú tại huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Văn N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[1.4] Về sự thay đổi, rút yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa đại diện Công ty yêu cầu ông N trả 167.545.724 đồng tiền gốc; lãi trong hạn là 10.317.180 đồng, lãi quá hạn là 62.662.101 đồng, tiền mượn xe là 138.600.000 đồng. Tổng cộng là 379.150.005 đồng. Công ty rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phí quản lý hồ sơ, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí tắt toán hợp đồng trước hạn. Xét thấy đây là quyền tự định đoạt của đương sự phù hợp điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên ghi nhận.

[2] Về nội dung: Xét thấy, ngày 24/12/2022 ông N có ký hợp đồng cầm cố số CAT2212010 07 NA17X với Chi nhánh G- Công ty A. Tài sản cầm cố là chiếc xe ô tô

hiệu ISUZU, loại QKR55H VAN16, biển số 63C- 097.18, số khung RLE1KR55HH7604539, số máy 2X5746, giấy chứng nhận đăng ký xe số 013442 do Công an tỉnh Tiền Giang cấp ngày 06/4/2017, số tiền cầm cố là 192.500.000 đồng, thời gian cầm cố 36 tháng, đồng thời cùng ngày ông đã làm giấy mượn lại xe để sử dụng. Tuy nhiên, từ ngày cầm cố tài sản đến nay ông chỉ trả cho Công ty tiền gốc 24.954.276 đồng, lãi 12.031.464 đồng, phí quản lý hồ sơ cố định 5.478.961 đồng, phí phạt trễ hạn 565.299 đồng, phí mượn xe 26.950.000 đồng thì ngưng đến nay. Việc ông N không trả tiền là vi phạm thỏa thuận các bên trong hợp đồng, xâm phạm quyền lợi ích hợp pháp nguyên đơn. Mặt khác, từ ngày Tòa án thụ lý vụ án đến nay dù ông N đã được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng không tham gia hoà giải, xét xử, không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là ông tự từ bỏ quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên có thiệt thòi gì ông tự gánh chịu. Do đó Hội đồng xét xử buộc ông N trả Công ty A 167.545.724 đồng tiền gốc; lãi trong hạn là 10.317.180 đồng, lãi quá hạn là 62.662.101 đồng, tiền mượn xe là 138.600.000 đồng. Tổng cộng là 379.150.005 đồng.

[3] Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện nguyên đơn được chấp nhận theo qui định tại Nghị quyết 326/ NQ- UBTVQH.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 147, 227, 228, 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 274, 309, 310, 311, 314, 422, 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016; Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty A yêu cầu ông Huỳnh Văn N trả phí quản lý hồ sơ, phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán, phí tất toán hợp đồng trước hạn.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc ông Huỳnh Văn N trả cho Công ty A 167.545.724 đồng tiền gốc; lãi trong hạn 10.317.180 đồng, lãi quá hạn 62.662.101 đồng, tiền mượn xe 138.600.000 đồng. Tổng cộng là 379.150.005 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số CAT2212010 07 NA17X, phụ Lục hợp đồng cầm cố được ký kết giữa Chi nhánh G- Công ty A với ông N cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

3. Về án phí:

3.1. Ông Huỳnh Văn N phải chịu 18.951.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.2. Hoàn lại Công ty A 8.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai thu số 0016526 ngày 17/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về thời hạn kháng cáo: Công ty A có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với ông N thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND huyện C;*
- *Chi cục THADS huyện C;*
- *Lưu.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

TRẦN TÚ ANH

